



Country approval pictograms

Bảo vệ chống quá áp liên quan đến sét đánh



A9L16337



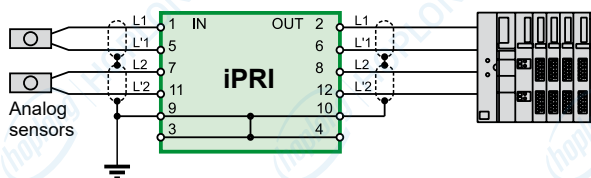
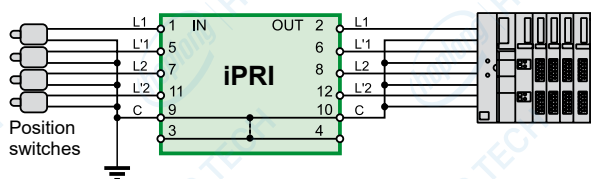
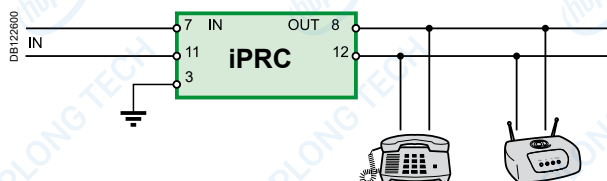
A9L16339



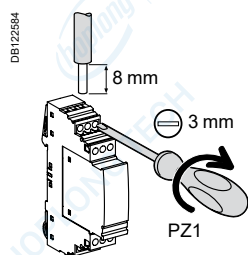
Sổ danh mục

Chống sét lan truyền	iPRC	iPRI
Điện áp chính (Un)	<130 V AC	48 V DC
Hệ thống điện thoại analogue	■	—
Máy phát điện thoại	■	—
Hệ thống điện thoại digital	—	■
Mạng tự động hóa	—	■
Cung cấp điện tải VLV (12...48 V)	—	■
Tương thích DSL	■	—
Cat. no..	A9L16337	A9L16339
Chiều rộng trong các mô đun 9mm	2	2

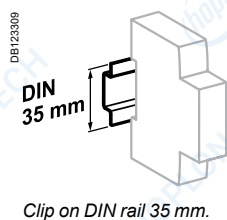
Sơ đồ



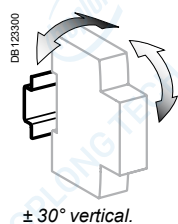
Kết nối



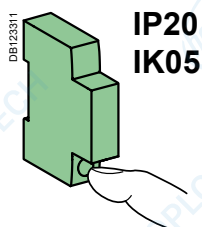
Lực siết	Cáp đồng	
	Rigid	Flexible or ferrule
0.8 N.m	DB122945 0.2 to 4 mm ²	DB122946 0.2 to 2,5 mm ²



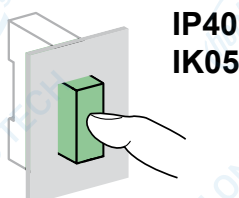
Clip on DIN rail 35 mm.



± 30° vertical.



IP20
IK05



IP40
IK05

Thông số kỹ thuật

Các đặc điểm chính		
	iPRC	iPRI
Số dòng được bảo vệ	2	2
Hạng mục kiểm tra IEC/VDE	C1, C2, C3, D1, B2	C1, C2, C3, D1, B2
Điện áp liên tục tối đa (Uc)	180 V DC, 130 V AC	53 V DC, 37 V AC
Điện áp giới hạn (Up)	300 V	70 V
Dòng điện phóng định mức (8/20) (In)	10 kA	10 kA
Dòng điện phóng tối đa (8/20) (Imax)	18 kA	10 kA
Thời gian phản hồi	< 500 ns	≤ 1 ns
Dòng xung danh định	100 A	70 A
Dòng định mức (I _N)	450 mA (lên đến 45°C)	300 mA (lên đến 45°C)
Điện trở nối tiếp	2.2 Ω	4.7 Ω
Thông báo hết hạn	Mất âm quay số	Mất đường truyền
Đặc điểm bổ sung		
Cấp bảo vệ	Chỉ thiết bị Thiết bị trong vỏ bảo vệ IK	
	IP20	IP20
	IP40	IP40
	05	05
Nhiệt độ hoạt động	-25°C đến +60°C	-25°C đến +60°C
Nhiệt độ bảo quản	-40°C đến +85°C	-40°C đến +85°C

Trọng lượng (g)

Chống sét lan truyền		
Kiểu	iPRC	iPRI
	25	65

Kích thước (mm)

